

# HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN THI MÔN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG CÓ ĐÁP ÁN CHI TIẾT

## **Câu 1: Phân tích tiền đề ra đời của xã hội học. Tại sao nói xã hội học ra đời vào đầu thế kỷ XIX là một tất yếu lịch sử?**

Con người, ngay từ khi mới xuất hiện trên trái đất đã có khao khát tìm hiểu những hiện tượng, sự kiện xã hội đang diễn ra trong đời sống xã hội và tìm hiểu về chính bản thân con người. Khát vọng tìm hiểu về đời sống xã hội của loài người đã hình thành nên các lý giải xã hội khác nhau, trong buổi ban đầu có thể là sơ khai mộc mạc hay mang màu sắc thần thoại.

Đa số các nhà xã hội học cho rằng mặc dù cho đến những năm 30 của thế kỷ 19, xã hội học mới được hình thành như một khoa học độc lập, các tư tưởng về xã hội đã có từ thời cổ đại. Nhưng trước thế kỷ 19, nghiên cứu xã hội với tư cách là một chính thể vẫn thuộc địa bàn riêng của triết học, khi đó bị tách khỏi đời sống thực tế chứa đầy những lập luận trừu tượng, không đáp ứng được nhu cầu thực tế.

Sự kiện đánh dấu sự ra đời của xã hội học như môn khoa học độc lập là sự xuất hiện của thuật ngữ “*xã hội học*” do August Comte, nhà xã hội học người Pháp đưa ra vào năm 1838.

Bối cảnh xã hội cho sự xuất hiện của xã hội học là các biến động to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội ở châu Âu vào thế kỷ thứ 18 và 19. Thực tiễn xã hội đã đặt ra những nhu cầu mới đối với nhận thức xã hội. Việc xã hội học xuất hiện ở châu Âu thế kỷ 19 được xem như là một tất yếu lịch sử xã hội, thể hiện nhu cầu và sự phát triển chín muồi các điều kiện và những tiền đề biến đổi của nhận thức đời sống xã hội.

## **Câu 2: Phân tích những đóng góp chủ yếu của August Comte đối với việc hình thành và phát triển xã hội học?**

Về thuật ngữ: Xã hội học (Sociology) có gốc ghép từ chữ La tinh socius hay societas có nghĩa là xã hội với chữ Hi Lạp ology hay logos có nghĩa là học thuyết hay nghiên cứu. Như vậy xã hội học được hiểu là học thuyết về xã hội hay nghiên cứu về xã hội.

Về mặt lịch sử: August Comte- người Pháp là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ xã hội học vào năm 1838. Ông chủ trương áp dụng mô hình phương pháp luận của khoa học tự nhiên và chủ nghĩa thực chứng vào nghiên cứu các qui luật của sự biến đổi xã hội

Từ khi xuất hiện đến nay xã hội học trải qua nhiều giai đoạn phát triển ở nhiều quốc gia khác nhau và có nhiều định nghĩa khác nhau về xã hội học. Các định nghĩa này có thể khái quát thành ba xu hướng như sau:

- Định nghĩa xã hội học là khoa học về hệ thống xã hội
- Định nghĩa xã hội học là khoa học nghiên cứu về hành động xã hội
- Khuynh hướng kết hợp định nghĩa xã hội học như là khoa học về hệ thống xã hội và về hành động xã hội

**Câu 3: Trình bày Quan niệm về xã hội học của Emile Durkheim?**

Durkheim định nghĩa xã hội học là khoa học nghiên cứu các sự kiện xã hội (social facts). Xã hội học sử dụng phương pháp thực chứng để nghiên cứu, giải thích nguyên nhân và chức năng của các sự kiện xã hội. Nhiệm vụ hàng đầu của xã hội học là tìm ra các qui luật xã hội để từ đó tạo ra trật tự xã hội trong xã hội hiện đại.

Durkheim chủ trương xã hội học phải trở thành khoa học về các qui luật tổ chức xã hội. Theo Durkheim, để xã hội học trở thành khoa học phải xác định đối tượng nghiên cứu của xã hội học một cách khoa học. Cần coi xã hội, cơ cấu xã hội, thiết chế xã hội, đạo đức, truyền thống, phong tục, tập quán, ý thức tập thể... như là các "sự kiện xã hội", các sự vật, các bằng chứng xã hội có thể quan sát được. Cần áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như quan sát, so sánh, thực nghiệm... để nghiên cứu, phát hiện ra các qui luật của các sự vật, sự kiện xã hội.

**Câu 4: Trình bày Quan niệm của Max Weber về xã hội học?**

Theo Weber về xã hội học vừa có đặc điểm của khoa học xã hội vừa có đặc điểm của khoa học tự nhiên. Trước hết, Weber cho rằng, xã hội học là khoa học có nhiệm vụ lý giải động cơ, ý nghĩa của hành động xã hội, có nghĩa là, xã hội học không giống như khoa học tự nhiên vì đối tượng nghiên cứu của nó là hành động xã hội và phương pháp nghiên cứu là giải nghĩa. Tuy nhiên, Weber cũng cho rằng, giống như các khoa học khác, xã hội học tiến tới cách giải thích nhân quả về đường lối và hệ quả của hoạt động xã hội. Như vậy, Weber vừa khẳng định xã hội học là khoa học như khoa học tự nhiên vừa chỉ ra bản sắc của xã hội học với tư cách là khoa học xã hội.

Trong khi nhấn mạnh đồng thời cả việc quan sát bên ngoài và việc nắm bắt, lý giải những hiện tượng bên trong của hành động xã hội, Weber đã phân loại hai loại lý giải: Thứ nhất, lý giải trực tiếp thể hiện trong quá trình nắm bắt nghĩa của hành động qua quan sát trực tiếp những đặc điểm, biểu hiện của nó. Thứ hai, lý giải gián tiếp là giải thích động cơ, ý nghĩa sâu xa của hành động qua việc hình dung ra tình huống, bối cảnh của hành động.

Weber cho rằng xã hội học có nhiệm vụ trả lời những câu hỏi về động cơ, ý nghĩa của hành động xã hội và mục tiêu của xã hội học là đưa ra những khái niệm chung, có tính chất khái quát, trừu tượng về hiện thực lịch sử xã hội.

**Câu 5: Kể tên các lý thuyết xã hội học chủ yếu?**

Thuyết chức năng (function theory)

Thuyết mâu thuẫn (conflict theory)

Thuyết tương tác biểu trưng (symbolic interaction theory)

Thuyết lựa chọn duy lý (rational choice theory)

**Câu 6: Đặc điểm của tri thức xã hội học?**

Tri thức xã hội học vừa mang tính khái quát vừa có mặt cụ thể

Tri thức xã hội học vừa có mặt định tính vừa có mặt định lượng

Tri thức xã hội học vừa có cấp độ vĩ mô vừa có cấp độ vi mô

Tri thức xã hội học vừa có cấp độ lý thuyết vừa có cấp độ thực nghiệm

Tri thức Xã hội học vừa có cấp độ đại cương vừa có cấp độ chuyên biệt

Tri thức xã hội học vừa có cấp độ cơ bản vừa có cấp độ ứng dụng

### **Câu 7: Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học?**

Do tính chất “nước đôi” của các tri thức xã hội học mà các quan niệm về đối tượng nghiên cứu của xã hội học không chỉ khác nhau, thậm chí còn trái ngược nhau. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học có sự thay đổi qua các thời kỳ. Thời kỳ trước năm 1960, có hai cách tiếp cận khác nhau:

*Thứ nhất*, xã hội học Châu Âu chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của triết học thực chứng và thuyết tiến hoá, nên đối tượng nghiên cứu là tính chỉnh thể của tổ chức xã hội, tính hệ thống của nó trong mối quan hệ chi phối các nhân. Tức là nghiên cứu cấu trúc xã hội hay xã hội học vi mô.

*Thứ hai*, xã hội học Mỹ chịu ảnh hưởng của thuyết hành vi và chủ nghĩa thực dụng. Đối tượng nghiên cứu là các hành vi cá nhân, các cơ chế hình thành hành vi cá nhân, sự tương tác liên cá nhân, sự hình thành động cơ, các tác nhân hành động của nhóm. Tức là nghiên cứu hành động xã hội hay xã hội học vi mô.

Giai đoạn hiện nay cũng có hai cách tiếp cận về đối tượng nghiên cứu của xã hội học:

*Một là*, tiếp cận đối tượng xã hội học từ hai phía: hành vi xã hội của con người và hệ thống xã hội (cấu trúc xã hội), do có sự xâm nhập lẫn nhau của xã hội học Châu Âu và xã hội học Mỹ.

*Hai là*, tiếp cận theo phương pháp phân tích kinh tế chính trị của Mác, lấy các cơ sở kinh tế và các cộng đồng xã hội làm khái niệm then chốt, hạt nhân để triển khai ra các phạm vi khác. Cách tiếp cận này rất thịnh hành ở các nước Đông Âu và Liên xô trước đây.

Tóm lại, đối tượng nghiên cứu của xã hội học là tất cả các quá trình và hiện tượng xã hội, về mức độ biểu hiện, nguyên nhân, động lực và các xu hướng phát triển của chúng.

### **Câu 8: Chức năng của xã hội học?**

#### **Chức năng nhận thức:**

Chức năng nhận thức của xã hội học thể hiện trên ba điểm cơ bản sau đây :

- Thứ nhất, xã hội học cung cấp tri thức khoa học về bản chất của hiện thực xã hội và con người.
- Thứ hai, xã hội học phát hiện các qui luật, tính qui luật và cơ chế nảy sinh vận động và phát triển của các quá trình, hiện tượng xã hội, của mối tác động qua lại giữa con người và xã hội.
- Thứ ba, xã hội học xây dựng và phát triển hệ thống các phạm trù, khái niệm, lý thuyết và phương pháp luận nghiên cứu xã hội.

#### **Chức năng thực tiễn.**

- Chức năng thực tiễn của xã hội học có mối quan hệ biện chứng với chức năng nhận thức và là một trong những mục tiêu cao cả của xã hội học thể hiện ở sự nỗ lực cải thiện xã hội và cuộc sống của con người.

- Chức năng thực tiễn của xã hội học thể hiện trước hết ở sự vận dụng các qui luật xã hội học trong hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở đó, xã hội học góp phần giải quyết đúng đắn kịp thời những vấn đề nảy sinh trong xã hội.
- Nghiên cứu xã hội học hướng tới dự báo những vấn đề sẽ xảy ra và đề xuất các kiến nghị, giải pháp để kiểm soát các hiện tượng, quá trình xã hội tiến tới cải tạo được thực trạng xã hội.
- Trong quá trình thực hiện chức năng thực tiễn, các khái niệm, các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu của xã hội học cũng được cọ sát, kiểm chứng để từ đó sửa đổi, phát triển.

### **Chức năng tư tưởng.**

- Ngoài chức năng nhận thức và chức năng thực tiễn chung cho mọi khoa học, cũng như các khoa học xã hội khác, xã hội học có chức năng tư tưởng. Chức năng này thể hiện ở chỗ, xã hội học góp phần trang bị thế giới quan khoa học cho người học, các tri thức xã hội học mang tính giai cấp, hướng tới phục vụ cho lợi ích và sự nghiệp của đông đảo quần chúng nhân dân. Đồng thời, xã hội học cũng góp phần hình thành và phát triển phương pháp tư duy khoa học và khả năng suy xét phê phán.

### **Câu 9: Trình bày mối liên hệ của xã hội học với các môn khoa học khác?**

#### *Xã hội học với triết học*

Triết học nghiên cứu các qui luật chung nhất về tự nhiên, xã hội và tư duy. Trong xã hội, triết học nghiên cứu các qui luật chung về sự hình thành và phát triển của xã hội. Triết học là cơ sở lý luận và phương pháp luận cho các khoa học xã hội trong đó có xã hội học. Xã hội học khác với triết học ở chỗ, về mặt nội dung: triết học nghiên cứu những qui luật chung của xã hội còn Xã hội học nghiên cứu cả những vấn đề xã hội chung và những vấn đề xã hội cụ thể. Về mặt phương pháp nghiên cứu, sức mạnh của triết học là tư duy trừu tượng và tính khái quát còn Xã hội học sử dụng các phương pháp thực nghiệm để nghiên cứu các hiện tượng xã hội, đồng thời sử dụng tư duy trừu tượng và coi các quan điểm của triết học như là những nguyên tắc phương pháp luận.

#### *Xã hội học và tâm lý học.*

Tâm lý học là khoa học về hành vi của các cá nhân, về các quá trình hình thành tâm lý (tình cảm, biểu tượng, ước mơ), nghiên cứu về cách thức hình thành kỹ năng kĩ xảo, và về hoạt động tâm lý của con người. Xã hội học cũng nghiên cứu con người nhưng là những con người xã hội, tức là thái độ của con người trước các vấn đề, hiện tượng xã hội hay ảnh hưởng của các hiện tượng xã hội đến hành vi của con người. Về mặt lịch sử, Emile Durkheim là người đã có công tách xã hội học ra khỏi tâm lý học.

#### *Xã hội học và kinh tế học*

Xã hội học và kinh tế học có quan hệ chặt chẽ và mang tính truyền thống. Kinh tế học là khoa học về quá trình sản xuất xã hội của con người (sản xuất, quản lý, phân phối và lưu thông sản phẩm), nghiên cứu các vấn đề như việc làm, thất nghiệp, lạm phát... Về phương pháp nghiên cứu, hai môn khoa học này có nhiều nét tương đồng, nhưng kinh tế học chỉ tập trung nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế còn xã hội học nghiên cứu cả các lĩnh vực khác của xã hội.

### *Xã hội học và nhân chủng học*

Đối tượng của hai ngành này giống nhau ở nhiều điểm, nhưng nhân chủng học thường nghiên cứu các xã hội trong quá khứ, và các dân tộc phát triển chậm, còn xã hội học thường định hướng vào các xã hội hiện đại và các xã hội phát triển.

#### **Câu 11: Cơ cấu xã hội học là gì? Liệt kê các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản?**

Xã hội là một tổ chức phức tạp, thể hiện mối liên hệ của các cá nhân, các nhóm và các tổ chức xã hội. Người ta dùng khái niệm cơ cấu xã hội để chỉ cách thức tổ chức của một xã hội trong một giai đoạn nhất định của lịch sử.

Các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản: Xã hội có tính chất đa cơ cấu. Mỗi cơ cấu được xem như một bộ phận của cơ cấu xã hội nói chung. Trong đó, người ta thường nghiên cứu một số phân hệ của cơ cấu xã hội:

- Cơ cấu giai cấp
- Cơ cấu học vấn - nghề nghiệp
- Cơ cấu dân số (nhân khẩu)
- Cơ cấu lãnh thổ
- Cơ cấu dân tộc

#### **Câu 12: Ý nghĩa của việc nghiên cứu cơ cấu xã hội là gì?**

Xã hội học quan tâm nghiên cứu cơ cấu xã hội vì nó có một ý nghĩa quan trọng. Cụ thể:

“Nghiên cứu cơ cấu xã hội giúp ta nhận thức được các đặc trưng của một xã hội trong từng giai đoạn phát triển lịch sử, qua đó, phân biệt, so sánh sự khác nhau của xã hội này với xã hội khác.

Giúp ta hiểu được các thành phần cơ cấu xã hội, vai trò - chức năng của mỗi thành phần đó trong cơ cấu để đảm bảo tính hệ thống của cơ cấu và nghiên cứu động lực phát triển xã hội.

Thấy được quan hệ tương tác giữa các thành phần của cơ cấu xã hội, hiểu rõ bản chất của các quan hệ đó dưới dạng các quy luật xã hội, từ đó giải thích được hành vi của các cá nhân, các nhóm và toàn bộ xã hội trong những thời gian và không gian cụ thể.

Giúp ta có cái nhìn tổng quát về xã hội, từ đó có thể hoạch định chiến lược, xây dựng mô hình cơ cấu xã hội tối ưu đảm bảo sự vận hành hiệu quả, thực hiện tốt các vai trò xã hội theo chiều hướng tiến bộ.

Nghiên cứu cơ cấu xã hội giúp ta có cơ sở khoa học để vạch ra một chính sách xã hội đúng đắn, nhằm phát huy những nhân tố tích cực, điều chỉnh và khắc phục những hiện tượng lệch chuẩn, những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động xã hội”.

### **Câu 13: Vị thế xã hội là gì? Phân loại vị thế xã hội ?**

#### **Khái niệm:**

Trong xã hội học, khái niệm vị thế thể hiện ở nhiều nghĩa.

- Theo Linton, vị thế có nội dung là địa vị và được hiểu là vị trí tương đối của một cá nhân trong bối cảnh xã hội giới hạn nhất định, từ đó có những hy vọng nhất định về vai trò.
- Thuật ngữ “đẳng cấp” của Max Weber trong tiếng Đức khi dịch sang tiếng Anh cũng có nghĩa là “vị thế”, dùng để chỉ toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ mà một cá nhân thực hiện.
- Trong Xã hội học phân tầng, vị thế của một cá nhân có thể được xác định là một địa vị cao hay thấp trong một hệ thống được sắp xếp theo thứ bậc.

Ở nghĩa chung nhất, người ta quan niệm: Vị thế xã hội là một vị trí trong cấu trúc xã hội. Mỗi vị thế quyết định chỗ đứng của một cá nhân hay một nhóm xã hội và phương pháp ứng xử của cá nhân, nhóm xã hội đó đối với xã hội xung quanh.

#### **Phân loại:** Vị thế thường được phân thành hai nhóm:

Vị thế tự nhiên (có sẵn, được gán cho): là những vị thế mà các cá nhân không cần phải cố gắng, nỗ lực để đạt được mà cá nhân đó được xã hội gán cho. Những vị thế này thường gắn với những thiên chức, những đặc điểm cơ bản mà cá nhân không thể tự kiểm soát được.

Ví dụ: Vị thế giới tính, vị thế nguồn gốc xuất thân, vị thế đẳng cấp, vị thế lứa tuổi, vị thế chủng tộc, vị thế thứ bậc trong gia đình và dòng họ....

Vị thế xã hội (đạt được): là những vị thế phụ thuộc vào những đặc điểm mà trong một chừng mực nhất định, cá nhân có thể tự kiểm soát được. Vị thế xã hội phụ thuộc vào nỗ lực phấn đấu và sự cố gắng vươn lên của bản thân.

Ví dụ: Vị thế nghề nghiệp, vị thế trình độ học vấn (học hàm, học vị), vị thế chức vụ xã hội, vị thế phụ thuộc vào mức độ cống hiến cho xã hội....

Trong đời sống, mỗi cá nhân có nhiều vị thế khác nhau, tạo thành một tập hợp các vị thế. Mỗi vị thế có một sự phù hợp với bối cảnh xã hội. Tuy nhiên, trong các vị thế đó, bao giờ cũng có một vị thế chủ chốt, giữ vai trò chủ đạo, chi phối các vị thế khác và trong quá trình tương tác, cá nhân thường hành động căn cứ theo vị thế chủ đạo của mình.

### **Câu 14: Vai trò Xã hội là gì? Thực hiện Vai trò của xã hội đó như thế nào?**

#### **Khái niệm:**

Thuật ngữ vai trò (role) được các nhà xã hội học vay mượn từ nghệ thuật sân khấu (kịch học) để miêu tả các vai trò xã hội có ảnh hưởng như thế nào trong đời sống xã hội. Giống như các nghệ sĩ trên sân khấu, tất cả chúng ta đều đóng các vai trò trong cuộc sống hàng ngày. Gắn với mỗi vai trò là một kịch bản, nó giúp chúng ta ứng xử như thế nào với những người khác và họ sẽ tương tác trở lại với chúng ta ra sao?

Về mặt khái niệm xã hội học: Vai trò xã hội là một tập hợp những chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định.

#### **Thực hiện vai trò:**

Thực hiện vai trò là những hành vi thực tế của một cá nhân đang chiếm giữ một vị thế xã hội. Tức là, khi tiếp nhận một vị thế xã hội nào đó, cá nhân phải thực hiện những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội (thể hiện vai trò), nhưng không phải bao giờ những điều mà cá nhân hiểu về vai trò và sự mong đợi của xã hội đối với các vai trò đó cũng phù hợp với nhau. Hơn nữa, cá nhân nhiều khi không thực hiện tất cả những hiểu biết của họ về các đòi hỏi với những vai trò trên thực tế. Vì vậy, tổng hợp tất cả các vai trò mà cá nhân thực hiện sẽ tạo nên nhân cách xã hội của anh ta.

### **Câu 15: Trình bày khái niệm về cộng đồng xã hội? Đặc trưng của cộng đồng xã hội được biểu hiện như thế nào?**

#### **Khái niệm:**

Cộng đồng xã hội là một khái niệm hết sức quan trọng trong xã hội học cũng như trong các khoa học xã hội và nhân văn khác. Nghiên cứu phạm trù này không những có thể nhận thức, nghiên cứu xã hội một cách khoa học mà còn góp phần tác động, điều chỉnh và cải biến xã hội đi theo chiều hướng tiến bộ, văn minh.

#### **Đặc trưng của cộng đồng xã hội:**

Cộng đồng xã hội thể hiện mối liên hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự cộng đồng các lợi ích của họ, nhờ sự giống nhau về các điều kiện tồn tại và hoạt động của các cá nhân hợp thành cộng đồng đó, nhờ sự giống nhau giữa họ về quan điểm – tín ngưỡng – các quan niệm về cuộc sống và xã hội nói chung [V.A.Jadóp].

**Ví dụ:** về Sắc tộc, lý tưởng hay hệ giá trị cơ bản, địa lý, văn hoá, tín ngưỡng, kinh tế....

Các thành viên trong cộng đồng gắn bó với nhau không phải bằng các luật pháp thành văn mà là sự liên kết các lợi ích, giá trị truyền thống trong cộng đồng như phong tục tập quán, niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, huyết thống... Mỗi thành viên trong cộng đồng tự nguyện phấn đấu, gìn giữ, phát triển các giá trị chung, gắn bó đoàn kết và hoà đồng với nhau. Đặc trưng này được coi là chất keo kết dính nội tại của cộng đồng xã hội và là điểm cơ bản để phân biệt cộng đồng xã hội và nhóm xã hội, mặc dù trong nhiều trường hợp, cộng đồng xã hội đồng nhất với nhóm xã hội.

### **Câu 16: Xã hội hoá được hiểu như thế nào? Các loại của xã hội hoá?**

Khái niệm xã hội hoá hiện nay được dùng với hai nội dung. Thứ nhất, xã hội hoá chỉ sự tăng cường chú ý quan tâm của xã hội đến những vấn đề, sự kiện cụ thể nào đó của xã hội mà trước đây chỉ có một nhóm, một bộ phận của xã hội quan tâm như xã hội hoá giáo dục, xã hội hoá y tế... (quá trình xã hội hoá các vấn đề, sự kiện xã hội). Thứ hai, xã hội hoá dùng để chỉ quá trình chuyển biến từ chỉnh thể sinh vật với đầy đủ các tiền đề tự nhiên đến một chỉnh thể đại diện của xã hội loài người. Xã hội học quan tâm đến nội dung thứ hai, hay còn gọi là quá trình xã hội hoá cá nhân.

Một đứa trẻ sinh ra không mang sẵn bản chất xã hội, chỉ có các phản xạ bẩm sinh. Những hành động của bé lúc sơ sinh chưa có ý thức, trong quá trình phát triển về thể chất, dần dần đứa bé học được cách xử sự từ bố mẹ và những người lớn tuổi. Quá trình hình thành ý thức trong cách ứng xử, đó là quá trình xã hội hoá. Vậy xã hội hoá là gì?

Có nhiều cách hiểu khác nhau về xã hội hoá. Căn cứ vào tính chủ động của cá nhân trong quá trình xã hội hoá, ta chia thành hai loại:

**Loại 1:** Cá nhân thu nhận kinh nghiệm từ xã hội và học các chuẩn mực, khuôn mẫu một cách tự nhiên mà không thể chống đối lại được. (cá nhân ít tính chủ động trong quá trình xã hội hoá).

Ví dụ: Một đứa trẻ được cha mẹ dạy cho cách ăn uống, tư thế ngồi ăn, cách giao tiếp như khi ai cho cái gì phải xin phép....Nếu không làm đúng lời dạy bảo thì sẽ bị khiển trách.

Như vậy, mỗi cá nhân được xã hội mặc cho một chiếc áo văn hoá phù hợp theo cách nhìn của xã hội ở từng nơi, từng thời điểm, từng giai đoạn của cuộc sống và cá nhân không có quyền tự lựa chọn chiếc áo văn hóa đó. Tức là, con người bị giám sát chặt bằng các quy định của xã hội.

**Loại 2:** Cá nhân không chỉ tiếp thu những kinh nghiệm xã hội mà còn tham gia vào quá trình tạo ra các kinh nghiệm xã hội (khả năng định tính tích cực, sáng tạo của cá nhân trong quá trình xã hội hoá). “Bản thân xã hội sản xuất ra con người với tư cách là con người như thế nào thì con người cũng sản xuất ra xã hội như thế” – Karl Marx.

### **Câu 17: Trình bày nội dung Phân đoạn quá trình xã hội hóa của G. Andreeva?**

Andreeva đã phân chia quá trình xã hội hóa thành ba giai đoạn là giai đoạn trước lao động, giai đoạn trong lao động và giai đoạn sau lao động

**Giai đoạn trước lao động:** Bao gồm toàn bộ thời kỳ từ lúc con người được sinh ra cho đến khi họ bắt tay vào lao động. Giai đoạn này gồm hai giai đoạn nhỏ là:

- Giai đoạn trẻ thơ là giai đoạn mà đứa trẻ tiếp thu một cách thụ động và máy móc các hành vi và là giai đoạn vui chơi ở nhà hoặc vườn trẻ, nhà mẫu giáo. Giai đoạn này từ lúc trẻ sinh ra đến lúc đi học.
- Giai đoạn học hành là giai đoạn đứa trẻ tiếp nhận trí thức và kỹ năng lao động. Vì vậy giai đoạn này đứa trẻ đã có sự tiếp nhận các hành vi một cách có mục đích, có ý thức. Đứa trẻ càng lớn lên thì càng bộc lộ hành vi tiếp nhận có chọn lọc để tự hình thành cho mình năng lực hành vi riêng.

**Giai đoạn lao động:** Bắt đầu từ khi cá nhân tham gia lao động và kết thúc khi không tham gia lao động (về hưu). Giai đoạn này, cá nhân vừa tiếp thu kinh nghiệm xã hội, vừa tích lũy kinh nghiệm cá nhân, vừa bộc lộ năng lực hành vi trong các hoạt động hàng ngày. Giai đoạn này được đánh giá là vô cùng quan trọng trong quá trình xã hội hóa vì một số lý do sau:

- Con người tiếp thu, củng cố, phát triển các tri thức, kinh nghiệm xã hội để nâng cao năng lực hành vi cá nhân.
- Lao động đã giúp cho con người hiểu rõ được cái tôi và cái chúng ta để sống hòa đồng vào cộng đồng xã hội.
- Lao động là quá trình thể hiện năng lực hành vi cá nhân có ích cho xã hội và tham gia đóng góp, xây dựng xã hội phát triển.
- Lao động thể hiện rõ vai trò của cá nhân trong xã hội, là cơ sở để đánh giá và củng cố năng lực hành vi cá nhân.

**Giai đoạn sau lao động:** Đó là khi cá nhân kết thúc quá trình lao động của mình, về nghỉ hưu. Hiện nay có hai quan niệm trái ngược nhau ở giai đoạn này. Có quan niệm cho



rằng khái niệm xã hội hóa hoàn toàn không có ở giai đoạn này vì các chức năng xã hội của nó bị thu hẹp lại. Tức là không có chuyện người già tiếp thu kinh nghiệm xã hội, hay thậm chí sản xuất ra nó.

Quan niệm thứ hai cho rằng cần phải nhìn nhận một cách tích cực đối với quá trình xã hội hóa ở giai đoạn này, bởi vì xã hội hiện đại ngày nay đã kéo dài tuổi thọ của con người và đồng thời cũng tạo ra các điều kiện phát huy tính tích cực xã hội của người già. Nhiều người già đóng vai trò quan trọng trong việc tái tạo các kinh nghiệm xã hội.

Đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khoa học kỹ thuật thay đổi nhanh chóng, thông tin được phổ biến rộng rãi có tính chất quốc tế, đòi hỏi xã hội phải tái tạo các kinh nghiệm xã hội và truyền đạt những kinh nghiệm, những giá trị cho thế hệ trẻ.